

## Mối duyên kỳ lạ giữa nhà thơ Hồi giáo và tượng Phật

ISSN: 2734-9195 10:23 09/06/2026

Di sản Phật giáo từng được lưu giữ trong ký ức, tái hiện trong thi ca và tôn kính trong tri thức học thuật của thế giới Hồi giáo trung cổ.

Tác giả: **Rastagar Ahmad Ilyas Munir**

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: **[www.reviewofreligions.org](http://www.reviewofreligions.org)**

Từ lâu, truyền thông phương Tây thường gắn liền Iran và Afghanistan với chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo. Xu hướng này định hình rõ rệt sau sự kiện năm 2001, khi Taliban phá hủy các bức tượng Phật Bamiyan tại Afghanistan - di sản vô giá từ thế kỷ VI tọa lạc trên Con đường Tơ lụa cổ đại.

Việc tàn phá báu vật này khiến dư luận quốc tế dễ đi đến kết luận rằng **Hồi giáo** là một tôn giáo bất khoan dung, thiếu khả năng chung sống hòa bình.

Tuy nhiên, cách đưa tin một chiều của truyền thông toàn cầu đã làm lu mờ một thực tế lịch sử: trong giai đoạn can thiệp quân sự tại Afghanistan (1979-1989), quân đội Liên Xô cũng từng gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho các di sản khảo cổ và di tích Phật giáo tại đây. Do đó, định kiến cho rằng chỉ người Hồi giáo mới phá hoại di sản là hoàn toàn sai lệch so với sự thật khách quan.

Thực tế lịch sử cho thấy người Hồi giáo đã tiếp quản khu vực này hơn một thiên niên kỷ, trong suốt thời gian đó, các bức tượng Phật Bamiyan vẫn đứng vững mà không hề bị tổn hại. Việc lực lượng Taliban có di sản để tàn phá vào năm 2001 chính là minh chứng rõ ràng cho thấy Hồi giáo ôn hòa từng chung sống hòa bình với các đức tin khác.

Suốt nhiều thế kỷ, không có bất kỳ ghi chép lịch sử nào về việc người dân Hồi giáo bản địa xâm phạm các báu vật này, dù họ có đầy đủ cơ hội để làm điều đó. Ngược lại, các bức tượng Phật không chỉ được bao dung qua hàng trăm năm mà còn từng là đối tượng được ca tụng trong các tài liệu văn hóa khu vực.

Minh chứng điển hình cho sự giao thoa này là trường hợp của Unsuri Balkhi (961-1039) - nhà thơ kiệt xuất tại triều đình Ghaznavid dưới quyền Vua Mahmud vùng Ghazni. Với tài năng sử dụng ngôn từ bậc thầy, ông đã để lại di sản đồ sộ qua các tác phẩm thơ ca tụng, sử thi lãng mạn và thể thơ truyện thơ giáo huấn (mathnawi). Những đóng góp này giúp ông được vinh danh bằng danh hiệu cao quý Malik-us Shu'ara (Vua của các nhà thơ).



Ảnh: [reviewofreligions.org](http://reviewofreligions.org)

Trong di sản văn học Ba Tư, tập truyện thơ (mathnawi) “*Tượng Phật trắng và tượng Phật đỏ*” (Khing But u Surkh But) của thi hào Unsuri chính là một minh chứng đắt giá. Dù tác phẩm phần lớn đã thất lạc theo số phận của hai kỳ quan, các tài liệu đối chiếu vẫn giúp khôi phục nội dung cốt lõi: Cặp tượng khổng lồ được hình tượng hóa thành hai người tình bất hạnh bị hóa đá để lưu danh muôn thuở.

Pho tượng nam liên kết với mặt trời, gọi là Surkh But (Tượng Phật đỏ). Pho tượng nữ gắn liền với mặt trăng, gọi là Khing But (Tượng Phật trắng). Cách mã hóa bằng sắc màu vũ trụ này đã biến hai biểu tượng tôn giáo thành những kiệt tác nghệ thuật tuyệt mỹ, thay vì là những “tà thần” cần bài xích. Dù cách gọi này từng phổ biến trong các từ điển bách khoa địa lý cổ, hình tượng cặp tình nhân bị chia cắt vẫn tồn tại bền bỉ nhất trong văn học dân gian của người Hazara, với tên gọi lưu truyền đến ngày nay là Solsol (tượng lớn) và Shahmama (tượng nhỏ).

Liệu sự lãng mạn hóa này có phải là hành vi chế giễu, xem nhẹ ý nghĩa **tôn giáo** nguyên bản của di sản? Nghiên cứu sâu hơn về lịch sử Bamiyan cho thấy vào thời của thi hào Unsurī, trung tâm Phật giáo này đã rơi vào trạng thái bỏ hoang từ hai thế kỷ trước, khiến ông không thể nhận biết đây từng là một thánh địa tâm linh. Thực tế, hai pho tượng khổng lồ chỉ là phần nổi của một quần thể tu viện Phật giáo đồ sộ gồm hàng nghìn hang động thờ phụng đục khoét sâu vào lòng núi sa thạch.

Dòng thời gian khảo cổ xác định các hang động cuối cùng dừng hoạt động vào thế kỷ IX. Sử liệu cũng ghi nhận nhà sư Hyecho (Tuệ Siêu, 704–787) của vương quốc cổ Silla (Triều Tiên) là vị hành hương cuối cùng mô tả về thánh địa này. Do đó, sự suy giảm của Phật giáo tại Bamiyan không phải do sự cưỡng ép từ Hồi giáo, mà bởi các Phật tử đã chủ động rời đi để thực hành đức tin ở những khu vực khác.

Trên thực tế, Phật giáo không chỉ tồn tại trước khi Hồi giáo xuất hiện mà còn từng cùng tồn tại hòa bình với tôn giáo này tại thành phố Balkh (miền bắc Afghanistan ngày nay). Tâm điểm của sự giao thoa này là Naw Bahar - đại tu viện Phật giáo có khả năng được thành lập vào thế kỷ II sau Tây lịch dưới thời trị vì của hoàng đế Kanishka I (Kanishka Đại đế) thuộc vương triều Kushan. Nơi đây từng là **ngọn hải đăng** tâm linh thu hút các học giả toàn cầu, tiêu biểu là Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang vào đầu thế kỷ VII. Dù các lực lượng Hồi giáo đầu tiên đã tiếp cận khu vực từ thời kỳ các Caliph Rashidun, rồi Balkh lần lượt trải qua các biến động địa chính trị dưới sự kiểm soát của Turk Shahis, Thổ Phồn và nhà Umayyad; di sản Phật giáo tại đây vẫn được tôn trọng và không bị xóa bỏ.

Một trong những học giả Hồi giáo đầu tiên ghi chép về tu viện Naw Bahar là Umar ibn al-Azraq al-Kermani (người Iran, sống vào đầu thế kỷ VIII). Ghi chép tỉ mỉ của ông dưới thời vương triều Umayyad đã trở thành nguồn tư liệu quý giá cho giới nghiên cứu ở các thế kỷ sau. Thay vì cổ xúy các hành vi bài xích hay phá hủy di sản sau cuộc chinh phạt, al-Kermani lại đưa ra những đối chiếu sắc bén dựa trên sự tương đồng giữa hai đức tin. Ông ví bảo tháp (stupa) của tu viện Phật giáo với thánh đường Kaaba của Hồi giáo, dựa trên các đặc điểm kiến trúc tương đồng: cả hai đều được phủ vải trang trọng, nằm ở vị trí trung tâm quần thể và là nơi các tín đồ thực hiện nghi thức đi nhiễu xung quanh. Sự kết nối thẩm mỹ và tâm linh này chứng minh rằng, văn minh Hồi giáo sơ khởi đặt trọng tâm vào các giá trị nhân văn chung thay vì đào sâu những dị biệt về mặt nghi thức.

Ba thế kỷ sau, vào giai đoạn thế kỷ X-XI, danh sĩ Ba Tư Al-Biruni (973-1050) - bậc vĩ nhân đặt nền móng cho ngành Ấn Độ học và nhân học - tiếp tục ghi nhận Naw Bahar là một tu viện Phật giáo vẫn đang hoạt động. Sử liệu này đồng thời xác nhận ông là người cùng thời với thi hào Unsuri Balkhi.

Bức tranh toàn cảnh vào thế kỷ XI hiện lên vô cùng đa diện: Trong khi thánh địa Bamiyan đã bị bỏ hoang, thì tu viện Naw Bahar vẫn duy trì các hoạt động Phật sự bình thường. Thực tế này minh chứng rằng nhiều cộng đồng người Hồi giáo đương thời không chỉ bao dung, mà luôn nhìn nhận các di sản tôn giáo khác bằng lòng kính ngưỡng và thán phục.

Hơn thế nữa, di sản Phật giáo tại khu vực này đã khơi nguồn cảm hứng cho các nghệ nhân và kiến trúc sư Hồi giáo tiếp thu các ý tưởng thiết kế mô hình tự viện để ứng dụng vào cấu trúc của thánh đường (mosque) và trường học (madrasa). "*Bộ mã di truyền*" văn hóa của Đế quốc Ghaznavid thực chất là một ngã tư đường - nơi các sợi chỉ phong phú của đức tin Hồi giáo, di sản Phật giáo và văn học Ba Tư cùng dệt nên một bức tranh rực rỡ. Những minh chứng sống động từ văn học và học thuật Ba Tư chính là lăng kính thuyết phục, thôi thúc giới nghiên cứu tiếp tục khám phá sâu hơn về giai đoạn lịch sử này.

Di sản Phật giáo từng được lưu giữ trong ký ức, tái hiện trong thi ca và tôn kính trong tri thức học thuật của thế giới Hồi giáo trung cổ. Đối với nhiều cộng đồng đương thời, những kỳ quan ấy không chỉ là đối tượng để suy ngẫm, mà còn là các kiệt tác nghệ thuật khắc vào đá, minh chứng cho một dòng chảy văn hóa liên tục. Bảo tồn di sản không chỉ dừng lại ở việc gìn giữ các công trình kiến trúc, mà cốt lõi là khôi phục các giá trị đa đức tin và sự tôn trọng lẫn nhau.

Những bài học lịch sử này nhắc nhở chúng ta rằng sự bài xích hay hủy diệt chưa bao giờ là phản ứng duy nhất trước những dị biệt; trái lại, sự ngưỡng mộ và trân trọng hoàn toàn có thể vượt lên trên các ranh giới giáo điều. Bằng hành vi xóa sổ các bức tượng Phật Bamiyan, lực lượng Taliban đã phá vỡ thô bạo một tiến trình giao thoa lâu đời - vốn bắt nguồn từ thời kỳ các Caliph Chính thống (Rashidun) và được bảo hộ bền vững qua nhiều thế kỷ chung sống hòa bình dưới các vương triều Hồi giáo sau đó.

Giả thuyết về sự tồn tại của tập trường ca song vần Mathnawi thuộc về Abu'l-Qasim Unsuri - nhà thơ Ba Tư lỗi lạc thế kỷ XI - đang mở ra một góc nhìn sâu sắc về sức mạnh của văn học trong việc kiến tạo hòa bình. Nếu kiệt tác này không bị thất lạc, đây chắc chắn sẽ là ngọn hải đăng soi rọi, giúp nhân loại vượt qua những ranh giới tăm tối của sự suy đồi.

Tuy nhiên, thay vì hoài niệm một di sản đã mất, câu hỏi đặt ra là: Liệu chính chúng ta có thể tự viết nên những khúc ca của thời đại mới về sự tôn trọng lẫn nhau?

Tác giả: **Rastagar Ahmad Ilyas Munir**/Viết dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: **[www.reviewofreligions.org](http://www.reviewofreligions.org)**